

Việt Nam đã rất nỗ lực trong việc nâng cao tuổi thọ dân số. Tuy nhiên, những nỗ lực này sẽ trở nên lãng phí nếu người Việt Nam không thể sống những năm tháng kéo dài tuổi thọ đó một cách thoải mái và đàng hoàng. Với các chính sách hợp lý, Việt Nam có thể đảm bảo dân số khỏe mạnh và nền kinh tế vững chắc cho thế hệ tương lai. Các chương trình an sinh xã hội cần được cung cấp đầy đủ về tài chính để đảm bảo toàn bộ người cao tuổi được tiếp cận đầy đủ và công bằng. Hệ thống y tế cũng như hệ thống giao thông phải được cải thiện và chuẩn bị nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của dân số cao tuổi, đặc biệt là phụ nữ. Hơn nữa, các chính sách thị trường lao động cần phải được sửa đổi để đảm bảo người cao tuổi tiếp cận được các công việc tốt, tạo điều kiện cho họ tham gia vào khu vực lao động chính thức, và tuổi về hưu như nhau giữa phụ nữ và nam giới. Bằng cách tăng tỷ lệ những người cao tuổi khỏe mạnh, độc lập về tài chính, và được tiếp cận với các cơ hội làm việc chính thức, xu hướng thay đổi về nhân khẩu học này ở Việt Nam có thể mang lại lợi ích cho xã hội, đảm bảo rằng mọi người có thể sống tốt đến khi tuổi già.

## KHUYẾN NGHỊ

- 1. Tận dụng cơ hội “dân số vàng” hiện nay để chuẩn bị cho giai đoạn “dân số già”.** Đây là giai đoạn dự kiến sẽ kéo dài đến năm 2040, khoảng thời gian mà tỷ lệ người trong độ tuổi lao động so với số lượng người phụ thuộc vẫn còn cao. Việt Nam có thể tận dụng cơ hội này để tạo ra các nguồn vốn và củng cố các hệ thống nhằm phát triển nền kinh tế và giảm tổn thương ở những người cao tuổi. Ví dụ, có thể khuếch đại những lợi ích của lực lượng lao động ngày càng tăng bằng cách tăng năng suất lao động thông qua cải thiện chất lượng đào tạo người lao động, tạo ra cơ hội việc làm và các chiến lược khác. Việt Nam cần tái đầu tư các kết quả đầu ra vào các chương trình y tế, nhà ở, phúc lợi, và hệ thống giao thông vận tải để chuẩn bị tốt nhất cho giai đoạn “dân số già”.
- 2. Tạo nhiều cơ hội cho người cao tuổi tham gia vào khu vực lao động chính thức.** Các lựa chọn chính sách cho hướng tiếp cận này bao gồm: nâng tuổi nghỉ hưu và đảm bảo rằng độ tuổi này là như nhau cho cả nam giới và nữ giới; hoặc cho phép người lao động tùy chọn khi nào nghỉ hưu; mở rộng phạm vi bảo hiểm hưu trí bao gồm cả lương hưu trên cơ sở đóng góp và không đóng góp để bao phủ nhóm dân số rộng hơn, bao gồm cả những người trong khu vực phi chính thức; và thiết kế các chương trình cho phép người cao tuổi tham gia vào các công việc có trả lương phù hợp với nhu cầu của họ (ví dụ qua giờ làm việc linh động hoặc rút ngắn).
- 3. Đảm bảo rằng các chính sách và các chương trình giải quyết được sự chênh lệch giữa các nhóm dân số.** Ví dụ, phụ nữ thường dễ rơi vào tình trạng sống một mình, nghỉ hưu sớm, làm các công việc không được trả lương và bị nhiều bệnh mãn tính hơn so với nam giới. Do đó, các chương trình phúc lợi xã hội, chính sách lao động và các chương trình chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi phải được thiết kế phù hợp về giới. Người cao niên trên 80 tuổi - một trong những nhóm dễ bị tổn thương nhất của xã hội và có khả năng sống neo đơn cao nhất - cũng cần được quan tâm hơn. Tương tự, người cao tuổi sống ở các vùng nông thôn và những người cao tuổi có trình độ học vấn thấp là những người dễ bị tổn thương hơn do đó họ cần sự quan tâm đặc biệt.
- 4. Tăng cường thu thập và phân tích số liệu phục vụ xây dựng các chính sách và các chương trình hiệu quả.** Cần có thêm các nghiên cứu để hiểu được sự khác biệt giữa nam giới và phụ nữ ở giai đoạn tuổi già, cũng như sự khác biệt giữa các vùng địa lý và dân tộc. Chỉ khi nguyên nhân của những khác biệt được hiểu một cách chính xác và được giải quyết thì những nỗ lực để cải thiện tình hình mới có nhiều khả năng để đạt được thành công. Vì vậy, cần tiến hành các nghiên cứu để điều tra nguyên nhân cơ bản và sâu xa trong sự khác biệt giữa các nhóm dân số.

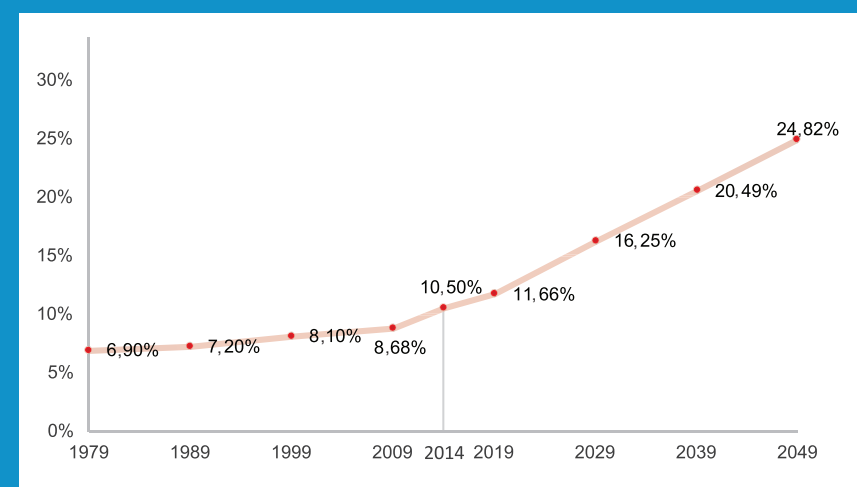


## THÔNG TIN TÓM TẮT

### Già hóa dân số nhanh chóng ở Việt Nam: THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI

**Dân số Việt Nam đang già hóa nhanh chóng và xu hướng này dự kiến sẽ còn tăng nhanh trong tương lai.**

Trong vài thập kỷ gần đây, Việt Nam đã đạt được những tiến bộ vượt bậc trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cho người dân. Tỷ suất sinh, chết đã giảm mạnh; ước tính tuổi thọ trung bình đã tăng lên 70,6 tuổi đối với nam và 76,0 tuổi đối với nữ vào năm 2014. Nhờ đó, tỷ lệ người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên) trong tổng dân số tăng ngày càng cao hơn. Năm 1990, tỷ lệ người cao tuổi chiếm 7,2% dân số thì đến năm 2011, tỷ lệ này là 10%, chính thức bắt đầu giai đoạn “già hóa dân số”. Theo dự báo, già hóa dân số sẽ tiếp tục tăng nhanh: Đến năm 2038, người cao tuổi sẽ chiếm 20% tổng dân số - tăng gấp ba lần trong vòng 24 năm (xem Hình 1). Vào lúc đó, Việt Nam sẽ bắt đầu bước vào giai đoạn “dân số già”.



**Hình 1: Tỷ lệ dân số ở độ tuổi 60 trở lên trong tổng dân số cả nước**

Nguồn: Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở 1979-2009, Điều tra dân số nhà ở giữa kỳ (IPS) năm 2014 và Dự báo dân số từ IPS 2014 (GSO)



## Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc

Địa chỉ: Ngôi Nhà Xanh Liên Hợp Quốc, 304 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam  
 ĐT: +84 (04) 3850 0100 | Fax: +84 (04) 3726 5520  
 Email: vietnam.office@unfpa.org | Website: <http://Vietnam.unfpa.org>  
[www.facebook.com/unfpa.vietnam](http://www.facebook.com/unfpa.vietnam)



Tháng 6 năm 2016

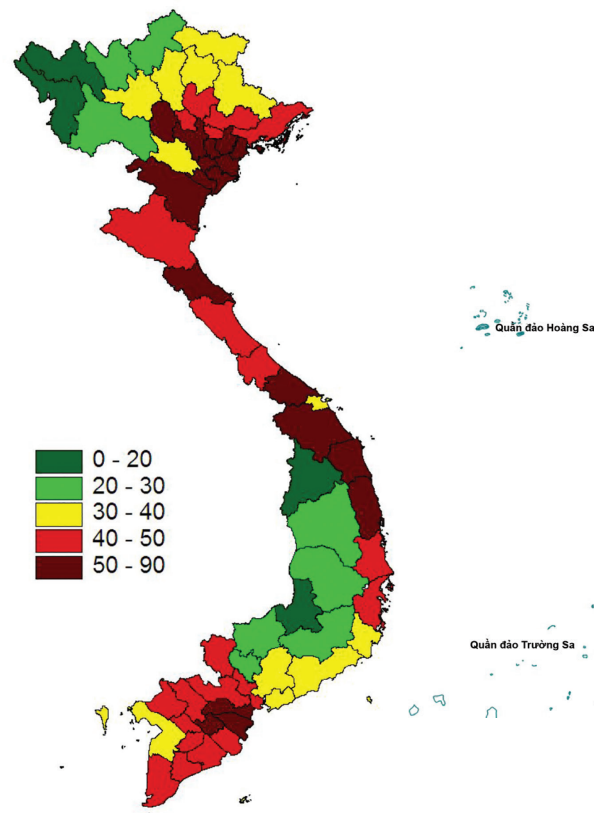
Tốc độ già hóa diễn ra tại Việt Nam nhanh hơn so với nhiều nước phát triển, và đặt ra nhiều thách thức về xã hội. Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động được dự báo sẽ giảm từ 66% trong năm 2009 xuống còn 58% vào năm 2049. Sự suy giảm lực lượng lao động có thể làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế, đồng thời tỷ lệ người cao tuổi phụ thuộc vào sự hỗ trợ của chính phủ và các hình thức hỗ trợ khác lại đang tăng lên. Trên thực tế, tỷ số phụ thuộc (là tỷ số giữa số người phụ thuộc, bao gồm trẻ em và người cao tuổi, tính trên số người lao động) đã tăng kể từ năm 2009, và dự kiến thậm chí sẽ tăng nhanh hơn trong tương lai. Mặc dù số trẻ em (14 tuổi trở xuống) đã giảm do tỷ suất sinh giảm, số người cao tuổi tăng nhanh khiến cho tổng tỷ lệ phụ thuộc tiếp tục tăng lên.

Xu hướng già hoá cũng khác nhau giữa các tỉnh thành (Hình 2). Các tỉnh nghèo hơn có chỉ số già hóa (tỷ lệ người cao tuổi trên 100 trẻ em) thấp hơn, có thể do khác biệt về tốc độ phát triển kinh tế, tỷ lệ sinh cao hơn do khó khăn hơn trong việc tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, và các yếu tố xã hội khác. Các tỉnh phát triển nhất cũng có tỷ lệ người cao tuổi tương đối thấp, một phần do có nhiều người di cư trẻ tuổi đến các khu vực này.

Già hóa dân số ở Việt Nam tạo ra cả thách thức và cơ hội cho sự phát triển của đất nước. Với những chính sách đúng đắn, Việt Nam không những có khả năng giải quyết các thách thức mà còn có thể tạo ra các lợi ích mới. Mặc dù già hóa đang diễn ra với tốc độ nhanh, các hành động kịp thời và hiệu quả nhằm cải thiện cơ sở hạ tầng và các chính sách liên quan đến người cao tuổi có thể đảm bảo tương lai với các thể hệ mạnh khỏe và thịnh vượng hơn.

**Phụ nữ sống lâu hơn nhưng dễ bị tổn thương hơn khi về già.** Năm 2014, phụ nữ chiếm 59% số lượng người cao tuổi của Việt Nam. Do phụ nữ thường sống lâu hơn nam giới, dự báo trong tương lai phụ nữ vẫn chiếm số đông trong dân số cao tuổi. Xu hướng nữ hóa dân số cao tuổi diễn ra ở tất cả các nhóm tuổi, nhưng nổi bật nhất ở nhóm từ 80 tuổi trở lên, là độ tuổi dễ tổn thương nhất.

Bên cạnh đó, có rất nhiều các yếu tố khác nhau khiến phụ nữ dễ bị tổn thương hơn so với nam giới khi về già. Nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng phụ nữ có khả năng mắc các bệnh mãn tính cao hơn và dễ rơi vào cảnh nghèo khó, bấp bênh hơn nam giới (VNAS 2011). Trong điều kiện đó, phụ nữ gặp nhiều khó khăn hơn trong việc chi trả cho các dịch vụ chăm sóc y tế cần thiết. Cuối cùng, phụ nữ nghỉ hưu sớm hơn nhưng sống lâu hơn nam giới, khiến họ dễ bị rơi vào cảnh góa bụa và lương hưu (nếu có) cũng không đủ chi trả cho nhu cầu. Do đó, các hỗ trợ khi về già đối với họ cũng hạn chế. Các khó khăn và nhu cầu đặc trưng về giới cần được xem xét ở mọi giai đoạn lập kế hoạch, thiết kế và thực thi chính sách đối với người cao tuổi, đặc biệt cần chú ý tới nhóm có tuổi thọ cao nhất. Để xác định và hiểu được những khác biệt này đòi hỏi phải thu thập được các số liệu về già hóa và người cao tuổi phân tách theo giới.

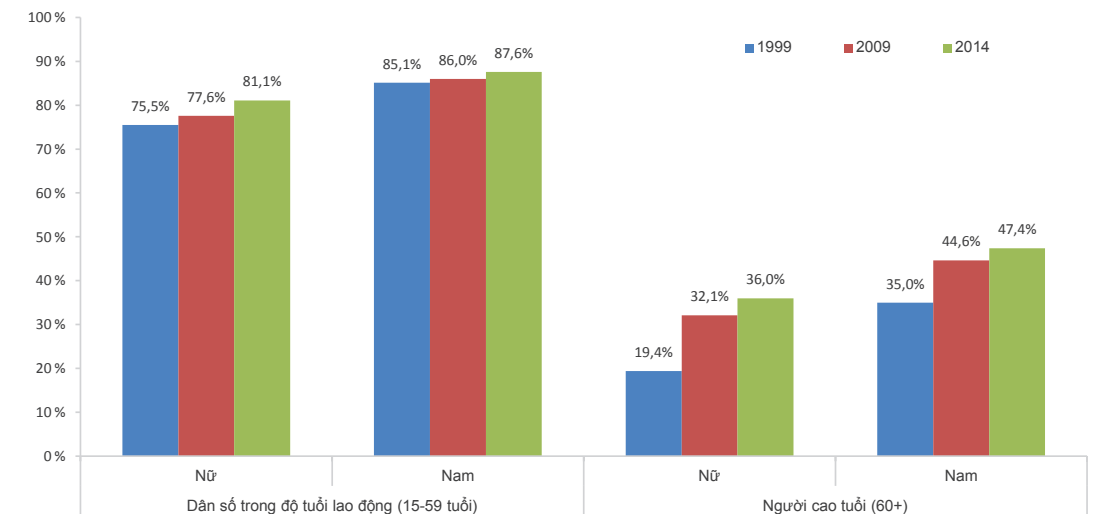


**Hình 2: Bản đồ chỉ số già hóa trên các tỉnh thành, Việt Nam, 2014**  
 Nguồn: IPS 2014. Chỉ số già hóa được là tỷ lệ người cao tuổi (60 tuổi trở lên) trên 100 trẻ em (từ 14 tuổi trở xuống)

**Nhiều người cao tuổi, đặc biệt là nhóm người lớn tuổi nhất, hiện đang sống một mình.** Trong năm 2014, 3,2% người cao tuổi và 16,4% những người trên 80 đang sống một mình. Tỷ lệ này tương ứng với 304.000 người. Con số này được dự kiến sẽ tăng lên trong tương lai do tốc độ già hóa dân số nhanh chóng, làn sóng di cư của những người trẻ tuổi ngày một tăng, và số các cặp vợ chồng sống chung với thể hệ trước giảm đi. Những người cao tuổi sống ở vùng nông thôn, có học vấn thấp, hay phụ nữ là những người dễ rơi vào tình trạng sống một mình. Thực trạng này có thể làm trầm trọng thêm những khó khăn mà các nhóm này đang phải chịu. Các nhu cầu về chăm sóc sức khỏe, vật chất và tình cảm-xã hội của một cá nhân khó có thể được đáp ứng đầy đủ khi sống một mình. Những người trên 80

tuổi là những người dễ trở thành góa bụa và sống neo đơn nhất. Việt Nam cần đảm bảo đáp ứng các nhu cầu dịch vụ cần thiết về sức khỏe, đi lại, hỗ trợ xã hội và tinh thần dành cho người cao tuổi sống neo đơn cả trong hiện tại và trong tương lai.

**Trái với quan niệm về nghỉ hưu an nhàn, nhiều người cao tuổi vẫn tiếp tục làm việc.** Trong thực tế, lực lượng lao động ở độ tuổi cao niên đang gia tăng. Tỷ lệ người cao tuổi từ 60 trở lên vẫn tiếp tục làm việc vào năm 1999 là 19% đối với phụ nữ và 35% đối với nam giới. Tỷ lệ này đã tăng lên tương ứng đến 36% và 47% vào năm 2014 (Hình 3), và gần như tất cả đều đang làm việc toàn thời gian. Những người cao tuổi với trình độ học vấn thấp, là những người ít có khả năng có lương hưu và thường là những người tiếp tục làm việc dù đã quá 60 tuổi.



**Hình 3: Tỷ lệ lao động trong nhóm tuổi lao động và nhóm người cao tuổi, 1999-2014**  
 Nguồn: Điều tra Dân số và nhà ở 1999-2009, IPS 2014

**Người cao tuổi thường làm việc trong khu vực phi chính thức hơn so với người trẻ.** Thông thường, người cao tuổi lao động tự do hoặc làm các công việc gia đình không được trả lương. Do vậy, họ phải đối mặt với mức thu nhập trung bình thấp, công việc bấp bênh, ít được tiếp cận với các chương trình hưu trí, và ít được bảo vệ bởi các quy định đảm bảo môi trường làm việc an toàn. Tỷ lệ người cao tuổi làm việc trong khu vực không chính thức tại khu vực miền núi và cao nguyên thường lớn hơn đáng kể so với ở vùng đồng bằng, đặc biệt là các trung tâm kinh tế như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Điều này có thể xuất phát từ thực tế là có ít cơ hội việc làm trong khu vực chính thức tại các khu vực khó khăn và các tỉnh miền núi. Tuy tỷ lệ tham gia lực lượng lao động giữa nam giới và nữ giới tương đương nhau nhưng phụ nữ thường làm các công việc gia đình mà không được trả lương hơn nam giới (28% so với 18%).

Những phát hiện này cho thấy người cao tuổi có thể, thậm chí đang có những đóng góp to lớn cho xã hội. Họ nên được xem như một nguồn nhân lực với nhiều tri thức và kinh nghiệm giúp ích cho sự phát triển đất nước. Hơn nữa, nhóm dân số cao tuổi ngày càng tăng lên và sống lâu hơn cũng có nhiều nhu cầu hơn về hàng hóa và dịch vụ, từ đó sẽ có khả năng kích thích nền kinh tế. Với những chính sách và chương trình phù hợp đáp ứng với già hóa và chuẩn bị cho dân số già hướng tới thúc đẩy thu nhập bảo đảm và ổn định, nâng cao mức sống cho người cao tuổi, nền kinh tế sẽ có nhiều thuận lợi hơn là khó khăn từ sự thay đổi về nhân khẩu học này.

Tuy nhiên, những phát hiện này cũng hé lộ rằng, do thiếu các hỗ trợ về lương hưu, bảo hiểm, và các chương trình an sinh xã hội, nhiều người cao tuổi đang phải tiếp tục làm việc để kiếm sống. Đồng thời, số người cao tuổi bị tổn thương sẽ ngày một gia tăng do các loại hình công việc mà người cao tuổi làm thường có thu nhập thấp, không ổn định và an toàn. Do đó, các chính sách và chương trình tạo điều kiện cho người cao tuổi tiếp cận với việc làm bền vững sẽ giúp cải thiện phúc lợi của nhóm dân số đang ngày càng gia tăng này. Điều này cũng sẽ làm gia tăng những đóng góp của họ cho xã hội, thông qua việc tăng các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội và tận dụng một nguồn nhân lực có chất lượng để phát triển đất nước. Đặc biệt, những hỗ trợ này cần lưu ý đáp ứng nhu cầu của phụ nữ cao tuổi và nhóm dân cư khu vực miền núi, vùng cao cũng như những người có trình độ học vấn thấp để đảm bảo “không ai bị bỏ lại phía sau”.